

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 7 - 2026

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đăng và ông Lê Văn Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Đình Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2026/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2026; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị K, sinh năm 1997; CCCD: 044197000227; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên hệ: Căn A, Lô B, đường L, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; CCCD: 044092000887; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị; hiện đang xuất cảnh nước ngoài không rõ địa chỉ; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/2025 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị. Lúc mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, bình yên. Tuy nhiên, sau khi anh T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài năm 2025 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người đều có một quan điểm, suy nghĩ riêng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình. Anh chị đã nhiều lần tạo cơ hội cho

nhau để cùng nhau thay đổi và hòa hợp nhưng không thành, đặc biệt hai bên gia đình, họ hàng hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho tới bây giờ. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có con chung, không có tài sản gì chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:* Theo công văn số: 4584/QLXNC-P3 ngày 09/4/2026 của Cục Q Bộ C (BL: 22) xác nhận anh Nguyễn Văn T đã xuất cảnh ra nước vào ngày 18/5/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do không xác định được địa chỉ cư trú của bị đơn đang ở nước ngoài và theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin thông báo công khai trên hệ thống phát thanh Đối ngoại quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam, kênh VOV5 dành cho người Việt Nam đang ở nước ngoài trong 03 số liên tiếp vào các ngày 20/4/2026, 21/4/2026 và ngày 22/4/2026 đồng thời tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho người thân và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh T để thông báo cho anh T được biết việc chị K có yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng đều không nhận bất cứ phản hồi nào của anh T.

** Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2026, bà Võ Thị B và ông Nguyễn Văn P là bố mẹ đẻ của anh T trình bày:* Anh T đang làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc nhưng ông, bà không biết địa chỉ cụ thể. Anh T đã biết việc con dâu là Lê Thị K khởi kiện ly hôn. Ông bà cam kết sẽ thông báo các văn bản của Tòa án cho T khi T gọi mạng xã hội về. Thuận cũng đồng ý ly hôn, không có con chung và tài sản chung. Ông, bà cam đoan nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo lại cho anh T được biết.

** Ý kiến phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, tài sản chung không xem xét giải quyết và buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bị đơn đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, nhưng có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xã T, tỉnh Quảng Trị. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng

dân sự.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T do không xác định được địa chỉ cư trú tại nước ngoài và người thân không cung cấp được địa chỉ theo yêu cầu của Tòa án, cho nên Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho người thân của anh T và người thân anh T đã cam đoan sẽ thông báo cho anh T được biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án, nhưng đều không nhận được bất cứ ý kiến phản hồi nào của anh T. Vì vậy, theo quy định tại Điều 10, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình*” thì bị đơn anh T thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục đăng báo công khai kênh đối ngoại quốc gia VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của bị đơn để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228; điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định chung.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và Giấy chứng kết hôn số: 13 ngày 05/5/2025 của UBND xã Tận L, tỉnh Quảng Bình, (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị) có đủ căn cứ xác định chị Lê Thị K và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 05/5/2025, cho nên hôn nhân giữa các bên đương sự là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét lời khai của nguyên đơn và thời gian xuất cảnh của bị đơn thấy rằng, sau khi kết hôn vào ngày 05/5/2025 và Lúc mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, bình yên. Tuy nhiên, sau khi anh T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài năm 2025 thì các bên đương sự phát sinh mâu thuẫn nên các bên không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, bỏ mặc nhau và hiện nay không còn tin tức gì của nhau. Do đó, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại trong một thời gian dài. Vì vậy, chị K yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung: Xét lời khai của chị K và xác nhận của bà Võ Thị B và ông Nguyễn Văn P (bố, mẹ đẻ của anh T) thì các bên đương sự không có con chung, tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Đối với chi phí đăng tin theo yêu cầu, chị K phải chịu số tiền 2.250.000 đồng và chị K đã nộp đủ trong thời gian giải quyết vụ án, nên không xem xét gì thêm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 và Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
2. Về quan hệ con chung: Các bên đương sự không có con chung nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
4. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị K phải chịu chi phí uỷ thác tư pháp và đăng thông tin trên V số tiền 2.250.000 đồng, chị K đã nộp đủ.
5. Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001126, ngày 24/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị K đã nộp đủ án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 4, Quảng Trị;
- Phòng THADS Khu vực 4, Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ, tỉnh Quảng Trị;
- Công an xã Tân Mỹ, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Châu Mạnh Cường